

Số: 87/2021/QĐST-HNGĐ

Từ Sơn, ngày 16 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 55/2020/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “ *Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966.

HKTT: Khu phố Trung Hòa, phường TH, thị xã TS, tỉnh BN.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Kh, sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Quý, xã Vụ Bản, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Khu phố Trung Hòa, phường TH, thị xã TS, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B: Ông Vũ Quang D – Luật sư văn phòng luật sư QD và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh BN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 08/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Quang Kh được sở hữu 1 ngôi nhà 2 tầng (cấp III) và 01 lán xây tường bao phía trước ngôi nhà. Toàn bộ tài sản được xây dựng trên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 28, diện tích 97,7m², địa chỉ khu phố Trung Hòa, phường Tân

Hồng, thị xã TS, tỉnh BN. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 752366 đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh BN cấp cho ông Nguyễn Quang Kh ngày 28/8/2018 nhưng ông Nguyễn Quang Kh có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Bà Nguyễn Thị B được nhận số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do ông Khang trích trả tiền chênh lệch tài sản.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Quang Kh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị B số tiền 4.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0003818 ngày 10/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS thị xã Từ Sơn;
- Chi cục THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

